

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **19/2018/DS-ST**
Ngày: 10 - 9 - 2018
V/v “*Tranh chấp hợp đồng dân sự
về việc góp họ*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thị Thúy Hằng.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Văn Kiệt.**

2. Ông **Võ Hoàng Ân.**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lý Văn Toán** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang
Bà **Trần Thị Quỳnh Trâm**- Chức vụ: Kiểm sát viên:

Ngày 10 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 43/2018/TLST-DS ngày 04 tháng 5 năm 2018 về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự về việc góp họ*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2018/QĐST-DS, ngày 20 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà **Trương Thị Ng**, sinh năm 1957. (Có mặt)

Địa chỉ: Số nhà 34, tổ 2, ấp Vĩnh Th, xã Vĩnh Hòa H, huyện Châu Th, tỉnh K.

* *Bị đơn:* Bà **Trịnh Thị Đ**, sinh năm 1980. (Có mặt)

Địa chỉ: Số nhà 165, tổ 17, ấp Vĩnh Th, xã Vĩnh Hòa H, huyện Châu Th, tỉnh K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 07 tháng 8 năm 2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bà Trương Thị Ng trình bày:

Ngày 18-8-2016 âm lịch, tôi có mở dây hụi tuần, mỗi tuần xỏ 01 lần vào ngày chủ nhật, có 36 người tham gia với tổng cộng là 52 chân hụi, hụi chét có số tiền là

200.000đ, hội hoạt động theo hình thức ai bỏ hội cao thì được hốt hội, sau khi hốt hội thì người đã hốt hội phải đóng hội chết cho chủ hội đến khi mãn hội. Ngày mãn của dây hội này là ngày 20-7-2017 âm lịch. Bà Trịnh Thị Đ tham gia 02 chân. Ngày 09-9-2016 âm lịch, bà Đ bỏ hội với số tiền là 60.000đ, hốt được số tiền hội là 6.980.000đ; ngày 16-9-2016 âm lịch, bà Đ bỏ hội với số tiền là 66.000đ, hốt được số tiền hội là 6.680.000đ. Sau khi hốt hội thì bà Đ đóng hội chết cho tôi không thường xuyên, lúc đóng, lúc ngưng, tổng cộng thì bà Đ đóng cho tôi được 27 tuần hội chết với số tiền 400.000đ/tuần; thiếu lại 25 tuần hội chết, tôi làm đơn nhờ áp Vĩnh Th giải quyết thì bà Đ đóng được số tiền hội chết là 06 tuần (mỗi tuần 400.000đ), còn nợ lại số tiền hội chết là 7.600.000đ (Bảy triệu sáu trăm ngàn đồng). Tiền hội bà Đ đóng cho tôi không có làm giấy tờ gì.

Tại đơn khởi kiện bổ sung ngày 10-5-2018 được Tòa án thụ lý ngày 14-5-2018 bà Trương Thị Ng yêu cầu bà Trịnh Thị Đ phải trả cho bà Ng số tiền lãi của số tiền hội còn nợ : 7.600.000đ với lãi suất là 25.000đ/1tháng/1.000.000đ, thời gian tính từ ngày 28-8-2017 DL cho đến khi bà Đ thanh toán đủ số tiền nợ hội.

Tại phiên hòa giải hôm nay bà Trương Thị Ng có yêu cầu : Yêu cầu Tòa án xem xét buộc bà Trịnh Thị Đ trả cho bà Ng số tiền hội chết còn thiếu lại là 7.600.000 đồng và số tiền lãi theo quy định pháp luật kể từ ngày 28/8/2017 cho đến khi bà Đ thanh toán đủ số tiền nợ hội.

** Bị đơn bà Trịnh Thị Đ trình bày:* Tôi thừa nhận có tham gia dây hội xô ngày 18-8-2016 âm lịch do bà Trương Thị Ng làm chủ hội như bà Ng đã trình bày. Tôi hốt chân hội đầu tiên được số tiền 6.116.000đ (Sáu triệu một trăm mười sáu ngàn đồng) và hốt chân hội thứ hai được số tiền 7.450.000đ (Bảy triệu bốn trăm năm mươi ngàn đồng), tôi không nhớ ngày, tháng tôi hốt hội. Sau khi hốt hội, tôi có đóng tiền hội chết cho bà Ng được 09 tháng với số tiền 400.000đ/tuần rồi ngưng đóng hội do khó khăn về kinh tế; tiếp đó, tôi có đóng tiền hội chết cho bà Ng được 06 tuần với số tiền 400.000đ/tuần.

Tại phiên tòa hôm nay bà Trịnh Thị Đ có yêu cầu : Thừa nhận hiện nay còn nợ bà Ng số tiền hội là 7.600.000đ, nhưng hiện nay hoàn cảnh gia đình khó khăn xin được trả dần mỗi tháng 500.000đ đến khi dứt số tiền nợ trên, không đồng ý trả số tiền theo yêu cầu của bà Ng, không đồng ý trả lãi.

** Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:* Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ

án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Thị Ng buộc bà Trịnh Thị Đ phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà Trương Thị Ng số tiền hụi gốc 7.600.000đ và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] - Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Thị Ng thực hiện quyền khởi kiện theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự là thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân nhân dân huyện Châu Th, tỉnh K.

[2] - Về quan hệ pháp luật tranh chấp, nguyên đơn bà Trương Thị Ng khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Trịnh Thị Đ yêu cầu Tòa án xem xét buộc bà Trịnh Thị Đ trả cho bà Ng số tiền hụi chết còn thiếu lại là 7.600.000 đồng và số tiền lãi theo quy định pháp luật kể từ ngày 28/8/2017 cho đến khi bà Đ thanh toán đủ số tiền nợ hụi nên quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định trong vụ án là “*Tranh chấp hợp đồng dân sự về việc góp hụi*”. Do giao dịch dân sự này được xác lập vào ngày 18-8-2016 nên áp dụng các quy định tại Điều 305, Điều 479 Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết cho đương sự.

[3] - Về nội dung vụ án: Trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trương Thị Ng cùng với bị đơn bà Trịnh Thị Đ đều thống nhất xác định:

Nguyên đơn bà Trương Thị Ng yêu cầu Tòa án xem xét buộc bà Trịnh Thị Đ trả cho bà Ng số tiền hụi chết còn thiếu lại là 7.600.000 đồng và số tiền lãi theo quy định pháp luật kể từ ngày 28/8/2017 cho đến khi bà Đ thanh toán đủ số tiền nợ hụi.

Bị đơn bà Trịnh Thị Đ trình bày: Thừa nhận hiện nay còn nợ bà Ng số tiền hụi là 7.600.000đ, nhưng hiện nay hoàn cảnh gia đình khó khăn xin được trả dần mỗi tháng 500.000đ đến khi dứt số tiền nợ trên, không đồng ý trả số tiền theo yêu cầu của bà Nga, không đồng ý trả lãi.

Hội đồng xét xử xét thấy: Giao dịch góp hụi giữa nguyên đơn bà Trương Thị Ng với bị đơn bà Trịnh Thị Đ là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2005, bị đơn bà Trịnh Thị Đ đã nhận được tài sản thì phải có nghĩa vụ trả nợ cho bà Ng. Nhưng bà Đ trình bày do hoàn cảnh khó khăn, làm

thu tiền số 0003720 ngày 11 tháng 5 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Th.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 26, 35, 39, 147, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ vào Điều 479, Điều 305 Bộ luật dân sự 2005;
- Căn cứ vào Điều 688 Bộ luật dân sự 2015; Điều 17, Điều 30 Nghị định số : 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, họ, biêu, phường; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn giảm thu, nộp và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Thị Ng về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự về việc góp họ*” đối với bị đơn bà Trịnh Thị Đ.

2- Buộc bị đơn Trịnh Thị Đ phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Trương Thị Ng số tiền nợ họ tổng cộng cả gốc và lãi là 8.284.000 đồng (Tám triệu hai trăm tám mươi bốn ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không trả số tiền nêu trên thì còn phải trả cho người được thi hành án khoản tiền lãi theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

3- Về án phí: Buộc bị đơn bà Trịnh Thị Đ phải nộp án phí dân sự sơ thẩm cụ thể như sau: $8.284.000 \text{ đồng} \times 5\% = 414.200 \text{ đồng}$.

Hoàn trả cho bà Trương Thị Ng số tiền 490.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo các biên lai thu tiền số 0003689 ngày 23 tháng 4 năm 2018 và biên lai thu tiền số 0003720 ngày 11 tháng 5 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Th.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4- Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Lưu: hồ sơ; V.phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀN**

Lê Thị Thúy Hằng